

Bản án số 343/2019/HSPT.
Ngày: 20/8/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Diệp.

Các Thẩm phán: 1. Bà Trần Thị Lệ Uyên.

2. Bà Ngô Thị Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 20/8/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 231/2019/TLPT-HS ngày 03/6/2019 do có kháng cáo của bị cáo có tên sau đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HSST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thành A (tên gọi khác là Bé An), sinh ngày 17/5/1991 tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Thạnh Lạc Đ, xã A huyện B, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở: Phòng 406.B Khu lưu trú công nhân, khu phố 2, đường G, phường D, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công nhân; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; con ông Nguyễn Thành Sơn (sinh năm 1959) và con bà Phạm Thị Quyển (sinh năm 1959); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2018 đến ngày 21/11/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa).

2. Bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

2.1 Nguyễn Thái Thiện A, sinh ngày 31/3/2001 tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: học sinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: đang học lớp 12; con ông Nguyễn Văn Đ (sinh năm

1965) và con bà Thái Thị Thanh N (sinh năm: 1972); Anh ruột Nguyễn Thái Khoa N, sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa).

2.2 Bành Tân I, sinh ngày 03/4/2001 tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 310A K, Thị trấn K, huyện G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; con ông Bành Tấn H (sinh năm 1976) và con bà Phạm Ngọc H (sinh năm 1978); tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa).

3. *Người bị hại:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Số 105 Trần Văn Khách, Tổ 15, Khu phố 4, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Thái Khoa N; sinh năm 1994; Nơi cư trú: Ấp Phú Quý, xã Vĩnh Hựu, huyện B, tỉnh V; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H; trú tại: ấp Bắc, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3. Bà Phạm Ngọc H, sinh năm 1978; trú tại: 310A Khu phố 3, thị trấn Vĩnh B, huyện J, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

4. Bà Thái Thị Thanh N, sinh năm 1972; trú tại: ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thành A, Nguyễn Thái Thiện A (sinh ngày 31/3/2001) và Bành Tân L (sinh ngày 03/4/2001) là bạn bè quen biết. Khoảng 17 giờ ngày 10/11/2018, Thiện A điều khiển xe máy biển số 63B5 - 103.39 chở Lợi từ Tiền Giang đến khu lưu trú công nhân, Lô X 01 đường K, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh gặp Thành A. Sau đó, cả ba chở nhau đến Công viên Khu chế xuất Tân Thuận chơi. Thành A biết tại khu lưu trú công nhân xe máy không có người trông giữ nên rủ Thiện A và L trộm cắp. Thiện A và L đồng ý. Do còn sớm nên cả ba chạy xe đến đường Bùi Viện, Quận 1 chơi. Đến khoảng 02 giờ ngày 11/11/2018, cả ba quay lại khu lưu trú công nhân để lấy trộm xe máy. Tại đây, Thành A bảo Thiện A và L vào bên trong lấy trộm, còn mình ngồi trên xe máy biển số 63B5-103.39 bên ngoài canh giới. Thiện A

và L vào bên trong khu lưu trú công nhân nhìn thấy xe máy hiệu Yamaha Sirius, biển số 71C3 -286.09 đang khóa cổ. Cả hai dùng chân đạp vào tay lái làm hư khóa cổ rồi đẩy xe ra ngoài. Do không nổ máy được, nên Thiện A ngồi trên xe máy vừa trộm, còn Thành A điều khiển xe máy biển số 63B5 - 103.39 chở L ngồi sau, dùng chân đẩy. Khi đến gần ngã tư đường Nguyễn Lương B - đường số 19, phường Tân P thì bị đội Cảnh sát hình sự Công an Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra phát hiện, bắt giữ Thiện A cùng xe máy biển số 71C3-286.09, Thành A và L tẩu thoát.

Đến 20 giờ ngày 11/11/2018, Nguyễn Thành A bị Cơ quan công an mời lên làm việc. Ngày 12/11/2018, Lợi đến Công an Quận 7 đầu thú.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Thành A, Nguyễn Thái Thiện A, Bành Tân Li khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Theo Kết luận định giá tài sản số 424/KL-HĐĐGTTTHS ngày 16/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy Ban nhân dân Quận 7: 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius, biển số 71C3 - 286.09, có giá trị là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Tại Bản cáo trạng số 46/CT - VKSQ7 ngày 12/3/2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thành A, Nguyễn Thái Thiện A và Bành Tân L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HSST ngày 23/4/2019 của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thành A, Nguyễn Thái Thiện A và Bành Tân Li cùng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 173, điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và điểm o Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành A 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 12/11/2018 đến ngày 21/11/2018.

2. Áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 173, điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 90; Điều 91, Điều 98 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thái Thiện A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án là ngày 23/4/2019.

- Xử phạt: bị cáo Bành Tân L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án là ngày 23/4/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về điều kiện được hưởng án treo, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 03/5/2019, bị cáo Nguyễn Thành A kháng cáo đề nghị xem xét mức án và xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo khai nhận sự việc như tại cơ quan điều tra và tại phiên toà sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thành A xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo đã rất hối hận về việc làm của mình, tài sản đã được thu hồi và hiện gia đình bị cáo thật sự khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: hành vi phạm tội của bị cáo đúng với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên toà phúc thẩm, xét thấy không có tình tiết mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành An phù hợp với quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên được chấp nhận.

2. Về nội dung kháng cáo:

Xét thấy, các bị cáo đã có hành vi lén lút, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, tội phạm đã hoàn thành.

Đây là vụ án đồng phạm có tổ chức, các bị cáo có sự chuẩn bị, bàn bạc, phân công thực hiện tội phạm: đến địa điểm phạm tội trước để nghiên cứu địa hình và chọn thời gian thích hợp để thực hiện tội phạm, có sự phân công người làm công tác cảnh giới, người thực hành mục đích chiếm đoạt tài sản.

Do đó, đủ căn cứ xác định các bị cáo Nguyễn Thành A, Nguyễn Thái Thiện A, Bành Tân L phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa chữa bổ sung năm 2017).

Bị cáo Nguyễn Thành A giữ vai trò quan trọng trong toàn bộ quá trình thực hiện tội phạm. Bị cáo Nguyễn Thành A còn có tình tiết tăng nặng là “xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Tố tụng hình

sự năm 2019. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: tài sản đã thu hồi, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, có người thân có công với đất nước quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đã tuyên một hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo nhưng xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ nhằm giáo dục bị cáo mà còn có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình chứng cứ gì khác và xét thấy không có thêm tình tiết giảm nhẹ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo như quan điểm của Viện kiểm sát giữ nguyên án sơ thẩm là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Những vấn đề khác: không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 344, Điều 345, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 .

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành A và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 46/2019/HSST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành A 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước là 10 ngày (từ ngày 12/11/2018 đến ngày 21/11/2018).

2. Về án phí: Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2019, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội ngày 30/12/2016, khoản 2 Mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thành A phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và án phí phúc thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

3. Quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh, mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thái Thiện A, Bành Tân L; về xử lý vật chứng, án phí

hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thái Thiện A, Bành Tân L không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND, VKSND Cấp cao tại TP.HCM; (2)
- VKSND TP.HCM; (1)
- P.PC53-CATP; (1)
- TAND, THA, Công an Quận 7, (3)
- Những người tham gia tố tụng; (5)
- Lưu: Tòa án, hồ sơ. (4) (T/17)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp